

Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Quý III/ 2026)

1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (DFVN – FIX)

1.2. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là tăng 3,36% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Chiến lược đầu tư

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục bao gồm tín phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Tài sản được phép đầu tư:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của Pháp luật Ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp pháp hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ mười hai (12) tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá một (01) năm tính đến thời điểm Quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ hai (02) mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng một (01) trái phiếu hoặc cùng một (01) tổ chức phát hành, các mức xếp

hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8.4 Điều lệ Quỹ;

- Chứng khoán phải sinh niên yết, giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 8.6 Điều lệ Quỹ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Chứng quyền có bảo đảm niên yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

1.4. Phân loại Quỹ:

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp

1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 04 tháng 02 năm 2021

1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, số lượng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 7.246.796,22 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 72.467.962.200 Đồng Việt Nam (“VND”).

1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, được chấp thuận bởi Ban Đại diện Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;

- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư. Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

2. Số liệu hoạt động

2.1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	30/09/2026 (%)	30/09/2025 (%)	30/09/2024 (%)
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	32,81	41,98	30,17
2. Tiền và tương đương tiền	5,80	9,18	7,54
3. Tài sản khác	61,39	48,84	62,29
Cộng	100,00	100,00	100,00

2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	30/09/2024
1. NAV của Quỹ (VND)	90.520.081.534	83.958.642.666	74.324.872.926
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	7.246.796,22	7.123.572,64	6.598.800,77
3. NAV của một đơn vị CCQ (VND)	12.491,04	11.786,03	11.263,39
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.491,04	11.786,03	11.285,81
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	12.105,46	11.579,96	11.192,51

6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ (%)	2,79	1,94	0,61
9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12. Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,84	1,56	1,66
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	0,00	23,36	18,46

2.3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	5,98	5,98
- 3 năm	13,32	4,25
- Từ khi thành lập	24,91	4,01

2.4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/09/2026 (%)	30/09/2025 (%)	30/09/2024 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng / 01 đơn vị CCQ (%)	5,98	4,64	2,18

3. Mô tả thị trường trong kỳ:

Đến hết quý III/2026, kinh tế Việt Nam ghi nhận một trong những giai đoạn tăng trưởng mạnh nhất trong nhiều năm trở lại đây. GDP 9 tháng ước tăng 9,01% so với cùng kỳ, trong khi riêng quý III tăng tới 9,95%, cho thấy đà phục hồi và mở rộng của nền kinh tế ngày càng vững chắc. Đây là mức tăng trưởng cao hơn đáng kể so với nhiều nền kinh tế trong khu vực và tạo nền tảng thuận lợi cho mục tiêu tăng trưởng cả năm.

Động lực tăng trưởng chính đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng, với mức tăng giá trị gia tăng 11,21%, đóng góp gần 50% mức tăng chung của nền kinh tế. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục giữ vai trò đầu tàu với mức tăng 11,36%, phản ánh sự phục hồi mạnh của đơn hàng xuất khẩu, đặc biệt trong các ngành điện tử, máy tính, thiết bị công nghệ và kim loại. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 12,3%, mức cao nhất của giai đoạn sau đại dịch. Khu vực dịch vụ tăng 8,69%, đóng góp 45% tăng trưởng GDP. Các ngành bán lẻ, vận tải, lưu trú ăn uống và tài chính duy trì mức tăng cao nhờ nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục hồi du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 13,4% so với cùng kỳ; nếu loại trừ yếu tố giá vẫn tăng 7,8%, cho thấy sức cầu thực của nền kinh tế tiếp tục được cải thiện.

Một trong những tín hiệu tích cực nhất đối với nhà đầu tư là dòng vốn đầu tư nước ngoài. Vốn FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% và là mức cao nhất của 9 tháng trong vòng 5 năm. Tổng vốn FDI đăng ký đạt hơn 50 tỷ USD, tăng 76,4% so với cùng kỳ, cho thấy Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn trong quá trình dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Bên cạnh đó, đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh với vốn ngân sách nhà nước giải ngân tăng 19%, tạo hiệu ứng lan tỏa sang xây dựng, vật liệu, logistics và nhiều ngành công nghiệp hỗ trợ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 15,1%, cao hơn đáng kể mức tăng của cùng kỳ năm trước.

Tiêu dùng trong nước tiếp tục là trụ cột quan trọng của tăng trưởng. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 16,7%, doanh thu du lịch lữ hành tăng 17,9%. Lượng khách quốc tế đạt 17,7 triệu lượt trong 9 tháng, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước nhờ chính sách thị thực thuận lợi và nhu cầu du lịch phục hồi.

Mặc dù tăng trưởng mạnh, môi trường vĩ mô bắt đầu xuất hiện áp lực giá. CPI bình quân 9 tháng tăng 4,52%, trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,26%. Giá nhà ở, năng lượng và giao thông là các nhóm đóng góp lớn nhất vào mức tăng CPI. Riêng tháng 9, CPI tăng 5,08% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá xăng dầu quốc tế tăng trở lại.

Điểm cần lưu ý đối với nhà đầu tư là cán cân thương mại đã chuyển sang nhập siêu 19,4 tỷ USD trong 9 tháng, trái ngược với xuất siêu của cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhập khẩu mạnh các linh kiện điện tử, máy móc và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Mặc dù phản ánh chu kỳ mở rộng đầu tư, xu hướng này có thể tạo áp lực lên cán cân thanh toán nếu nhu cầu xuất khẩu suy yếu.

Nhìn chung, bức tranh kinh tế Việt Nam đến hết quý III/2026 khá tích cực bởi tăng trưởng GDP cao, đầu tư trong và ngoài nước mạnh, tiêu dùng cải thiện và thị trường lao động ổn định. Đây là môi trường thuận lợi cho lợi nhuận doanh nghiệp ở các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, hạ tầng, logistics, ngân hàng, bán lẻ và du lịch. Tuy nhiên, nhà đầu tư cần tiếp tục theo dõi ba biến số quan trọng trong các quý tới: lạm phát, cán cân thương mại và triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu, bởi đây sẽ là những yếu tố quyết định tính bền vững của chu kỳ tăng trưởng hiện tại.

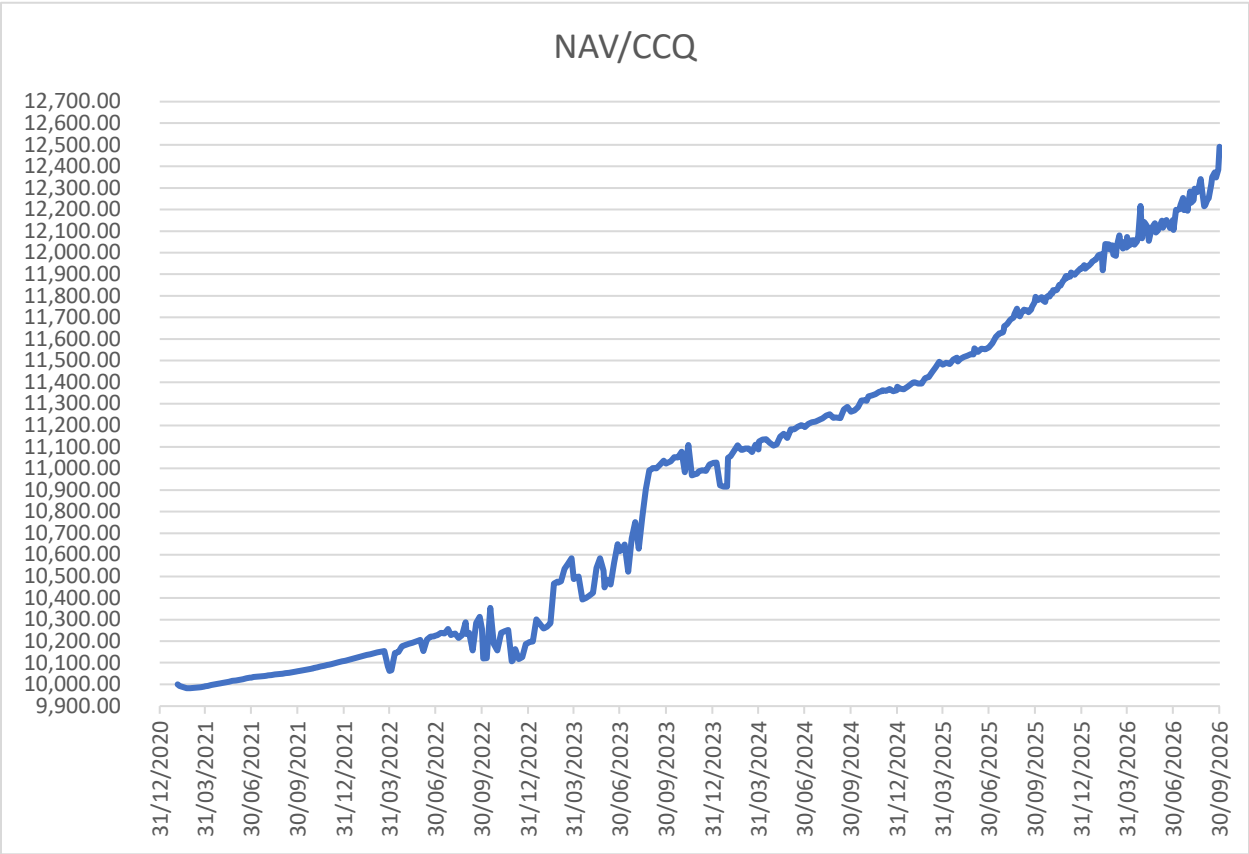
4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	5,98	13,32	24,91
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	5,98	4,25	4,01
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.



● Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/09/2025	Tỷ lệ thay đổi (%)
NAV của Quỹ	90.520.081.534	83.958.642.666	7,82
NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”)	12.491,04	11.786,03	5,98

4.2. Thông kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	3.732	931.627,59	12,86
Từ 5.000 – dưới 10.000	24	159.910,96	2,21
Từ 10.000 – dưới 50.000	7	155.257,67	2,14
Từ 50.000 – dưới 500.000	0	0,00	0,00
Từ 500.000	1	6.000.000,00	82,80
Tổng cộng	3.764	7.246.796,22	100,00

4.3. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

5. Thông tin về triển vọng thị trường

Trong 9 tháng đầu năm 2026, thị trường tiền tệ và trái phiếu Việt Nam ghi nhận những thay đổi đáng chú ý khi nhu cầu vốn của nền kinh tế tiếp tục gia tăng. Tăng trưởng tín dụng đạt 11,59% tính đến cuối tháng 9, cao hơn đáng kể so với mức 7,41% vào cuối tháng 6, phản ánh hoạt động cho vay được đẩy mạnh trong quý III.

Mặc dù vậy, thanh khoản hệ thống ngân hàng đã không còn dồi dào như giai đoạn đầu năm. Trong tháng 9, Ngân hàng Nhà nước hút ròng khoảng 86 nghìn tỷ đồng qua kênh OMO khi lượng đáo hạn lớn hơn lượng bơm mới, khiến quy mô vốn hỗ trợ thanh khoản giảm đáng kể. Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức tương đối cao ở các kỳ hạn dài, cho thấy áp lực cân đối nguồn vốn vẫn hiện hữu trong hệ thống.

Trên thị trường trái phiếu Chính phủ, hoạt động huy động vốn tiếp tục được đẩy mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư công và cân đối ngân sách. Tổng giá trị phát hành trong 9 tháng đầu năm đạt 296,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 59,2% kế hoạch năm và tăng gần 16% so với cùng kỳ năm trước. Cùng với diễn biến trên thị trường tiền tệ, mặt bằng lợi suất trái phiếu Chính phủ tiếp tục xu hướng tăng. Lợi suất kỳ hạn 10 năm trên thị trường thứ cấp kết thúc tháng 9 ở mức 4,46%/năm, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Xu hướng này phản ánh áp lực lạm phát trong nước, nhu cầu huy động vốn gia tăng cũng như tác động từ xu hướng tăng lãi suất toàn cầu sau các đợt điều chỉnh chính sách của Fed, ECB và BOJ.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành tiếp tục duy trì đà phục hồi. Giá trị phát hành lũy kế đạt 428,5 nghìn tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước, trong khi thanh khoản thứ cấp tăng gần 18%. Các tổ chức tín dụng vẫn là nhóm phát hành chủ đạo nhằm bổ sung nguồn vốn trung và dài hạn.

Nhìn chung, thị trường vốn Việt Nam vẫn duy trì khả năng huy động vốn tốt cho cả Chính phủ và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong các tháng cuối năm, nhà đầu tư cần tiếp tục theo dõi xu hướng lãi suất, thanh khoản hệ thống ngân hàng và áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp, khi đây sẽ là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến mặt bằng lợi suất và diễn biến của thị trường trái phiếu.

6. Thông tin khác

6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Ông Trần Châu Danh Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh; • Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; • Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh; • Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst); • Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician); • Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. <i>Kinh nghiệm làm việc</i> Ông có trên hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Daiichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Daiichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam).
Ông Fumihiko Kida Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro	<i>Trình độ chuyên môn</i> • Cử nhân Thương mại, Đại học Doshisha, Nhật Bản; • Chuyên gia Phân tích (Certified Member Analyst) của Hiệp hội Phân tích Chứng khoán Nhật Bản. <i>Kinh nghiệm làm việc</i>

	Ông đã có hơn mười sáu (16) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm và đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông từng đảm nhiệm vị trí cấp cao tại Trung tâm Tài chính Doanh Nghiệp của Daiichi Life Nhật Bản, phụ trách nghiệp vụ thẩm định tín dụng và cho vay đối với các khoản vay ưu tiên, tài trợ cho vay các thương vụ mua thâu tóm bằng vốn vay và cho vay cấp vốn dựa trên tài sản. Trước đó, ông cũng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và lập ngân sách đầu tư tại Daiichi Life Nhật Bản.
--	--

6.2. Người điều hành Quỹ

Ông Đặng Nguyễn Trường Tài Giám đốc Đầu tư	Trình độ chuyên môn ➤ Cử nhân Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; ➤ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Chương trình cao học Đại học UQAM (University of Quebec at Montreal, Canada); ➤ CFO của PACE phối hợp với Học viện Quản trị Tài chính Hoa Kỳ AAFM; ➤ Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp. Kinh nghiệm làm việc Ông có trên hai mươi (20) năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng; trong đó, có hơn mười lăm (15) năm giữ chức vụ phụ trách đầu tư cổ phiếu tại các Công ty: Công ty Quản lý Quỹ Nhân Việt, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Daiichi Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Daiichi Life Việt Nam. Ông hiện đang là Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Daiichi Life Việt Nam.
Ông Vương Dương Đức Trưởng phòng Đầu tư	Trình độ chuyên môn ➤ Cử nhân Tài chính – Ngân hàng – Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh ➤ Cử nhân Luật – Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh ➤ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á (AIT) ➤ Chứng chỉ Hành nghề Quản lý Quỹ do UBCKNN cấp. Kinh nghiệm làm việc

	Ông đã có trên mười chín (19) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đầu tư. Trong đó, có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm công tác tại bộ phận Đầu tư của Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Daiichi Life Việt Nam và hiện đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư. Trước khi gia nhập DFVN, ông đã từng làm việc tại phòng Khách hàng doanh nghiệp tại các Ngân hàng SHB, Techcombank, Vietcombank...
--	--

6.3. Ban Đại diện Quỹ

Ông Huỳnh Văn Dũng Chủ tịch <i>(tạm thời giữ vị trí Chủ tịch từ ngày 06/07/2026, như thông tin Công ty đã công bố trên website)</i>	Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán. Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV. Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”).
Ông Nguyễn Gia Huy Chương Thành viên	Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông. Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu

	kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có 12 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners. Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; thành viên Hiệp hội Luật sư khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.
--	--

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAIICHI LIFE VIỆT NAM

CÔNG TY
TNHH MỘT
THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
DAIICHI LIFE
VIỆT NAM

Digitally signed by
CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
DAIICHI LIFE VIỆT
NAM
Date: 2026.10.14
17:19:00 +07'00'

Trần Châu Danh
TỔNG GIÁM ĐỐC

ERROR: syntaxerror
OFFENDING COMMAND: --nostringval--

STACK:

/Title
()
/Subject
(D:20261014170906+07'00')
/ModDate
()
/Keywords
(PDFCreator Version 0.9.5)
/Creator
(D:20261014170906+07'00')
/CreationDate
(htmai.phuong)
/Author
-mark-